

Số: **5424** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **25** tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tiếp nhận và thành lập các lớp học viên cao học khóa 32, đợt 1 năm 2024**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐT ngày 25/10/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-ĐHV ngày 23/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh quy định về công tác quản lý học viên của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2822/QĐ-ĐHV ngày 04/11/2024 của Hiệu trưởng nhận danh sách trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2024 của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Tiếp nhận 369 học viên và thành lập 34 lớp học viên cao học khóa 32, đợt 1 năm 2024 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Học viên có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Quy định công tác quản lý học viên cao học ban hành theo Quyết định số 1405/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường các đơn vị: Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên; Đào tạo Sau đại học; Kế hoạch - Tài chính; Hành chính Tổng hợp; Đảm bảo chất lượng; Trường các đơn vị đào tạo có học viên; Trường các đơn vị liên quan và học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu HCTH, CTCTHSSV.



**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Trần Bá Tiến**



## DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 32 - ĐỢT 1 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 3424 /QĐ-ĐHV ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

| STT | Mã sinh viên  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Lớp hành chính     | Ngành đào tạo       | Ghi chú    |
|-----|---------------|-----------------------|------------|--------------------|---------------------|------------|
| 1   | 2484802011001 | PHAN SỸ MỸ            | 03/02/1982 | K32.1_CNTT_A1 (UD) | Công nghệ thông tin | Lớp trưởng |
| 2   | 2484802011003 | TRẦN HUY TOÀN         | 27/06/1983 | K32.1_CNTT_A1 (UD) | Công nghệ thông tin |            |
| 3   | 2484802011002 | BÙI XUÂN NGỌC         | 09/10/2001 | K32.1_CNTT_A1 (UD) | Công nghệ thông tin | Lớp phó    |
| 4   | 2484802011004 | LÊ THỊ HOÀI THANH     | 19/09/2001 | K32.1_CNTT_A1 (UD) | Công nghệ thông tin |            |
| 5   | 2484802011005 | TRƯƠNG QUANG LUẬT     | 23/08/1995 | K32.1_CNTT_A1 (UD) | Công nghệ thông tin |            |
| 6   | 2484802011006 | PHAN VĂN ĐỨC          | 10/06/1991 | K32.1_CNTT_A1 (UD) | Công nghệ thông tin |            |
| 7   | 2483102011001 | NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC   | 31/08/1984 | K32.1_CTH_B1 (NC)  | Chính trị học       | Lớp trưởng |
| 8   | 2483102011034 | ĐINH BÁ DUY           | 29/02/1988 | K32.1_CTH_B1 (NC)  | Chính trị học       |            |
| 9   | 2483102011031 | BÙI THỊ LIÊN          | 29/06/1987 | K32.1_CTH_B1 (NC)  | Chính trị học       | Lớp phó    |
| 10  | 2483102011036 | NGUYỄN THỊ THIÊN      | 30/01/1985 | K32.1_CTH_B1 (NC)  | Chính trị học       |            |
| 11  | 2483102011023 | TRẦN THỊ NGÀ          | 28/10/1994 | K32.1_CTH_B1 (NC)  | Chính trị học       |            |
| 12  | 2483102011024 | ĐẶNG THỊ THU HẰNG     | 19/05/1987 | K32.1_CTH_B1 (NC)  | Chính trị học       |            |
| 13  | 2483102011015 | HOÀNG THỊ VINH        | 28/11/1980 | K32.1_CTH_B2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 14  | 2483102011028 | PHAN THỊ HƯƠNG        | 02/02/1979 | K32.1_CTH_B2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 15  | 2483102011025 | PHẠM THỊ NGỌC         | 03/09/1991 | K32.1_CTH_B2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 16  | 2483102011027 | NGÔ THỊ ĐỨC ANH       | 18/08/1989 | K32.1_CTH_B2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 17  | 2483102011044 | HOÀNG THỊ THANH HUYỀN | 26/02/1980 | K32.1_CTH_B2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 18  | 2483102011009 | VŨ THỊ QUỲNH TRANG    | 16/01/1987 | K32.1_CTH_B2 (UD)  | Chính trị học       | Lớp trưởng |
| 19  | 2483102011040 | NGUYỄN TRUNG THÀNH    | 12/04/1998 | K32.1_CTH_B2 (UD)  | Chính trị học       | Lớp phó    |
| 20  | 2483102011029 | BÙI ANH PHONG         | 17/02/1987 | K32.1_CTH_B2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 21  | 2483102011002 | CHU HOÀI LÂM          | 01/11/1999 | K32.1_CTH_C1 (NC)  | Chính trị học       | Lớp phó    |
| 22  | 2483102011021 | TÔ ĐỨC KIÊN           | 04/06/1988 | K32.1_CTH_C1 (NC)  | Chính trị học       | Lớp trưởng |
| 23  | 2483102011005 | ĐỖ THỊ THẢO PHƯƠNG    | 0/0/1989   | K32.1_CTH_C1 (NC)  | Chính trị học       |            |
| 24  | 2483102011045 | HỒ TẤN ĐẠT            | 10/02/1984 | K32.1_CTH_C1 (NC)  | Chính trị học       |            |
| 25  | 2483102011006 | NGUYỄN KHẮC HẬU       | 09/01/1987 | K32.1_CTH_C1 (NC)  | Chính trị học       |            |
| 26  | 2483102011008 | TRẦN THỊ VÂN          | 09/09/1993 | K32.1_CTH_C1 (NC)  | Chính trị học       |            |
| 27  | 2483102011007 | TRƯƠNG THANH HẢI      | 02/04/1990 | K32.1_CTH_C1 (NC)  | Chính trị học       |            |
| 28  | 2483102011020 | NGUYỄN PHƯƠNG DỪNG    | 01/10/1987 | K32.1_CTH_C1 (NC)  | Chính trị học       |            |
| 29  | 2483102011019 | PHẠM VĂN NGỌ          | 10/11/1978 | K32.1_CTH_C1 (NC)  | Chính trị học       |            |
| 30  | 2483102011026 | ĐINH TRỌNG HIẾU       | 13/12/1981 | K32.1_CTH_C2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 31  | 2483102011041 | NGUYỄN THỊ QUỲ        | 06/01/1988 | K32.1_CTH_C2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 32  | 2483102011042 | QUÁCH HẢI HƯNG THỊNH  | 11/01/2000 | K32.1_CTH_C2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 33  | 2483102011039 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG      | 19/08/1987 | K32.1_CTH_C2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 34  | 2483102011033 | NGUYỄN VĂN HẬU        | 11/02/1978 | K32.1_CTH_C2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 35  | 2483102011012 | NHÂM THỊ MÊN          | 20/10/1988 | K32.1_CTH_C2 (UD)  | Chính trị học       |            |
| 36  | 2483102011038 | ĐINH VĂN HÙNG         | 02/08/1988 | K32.1_CTH_C2 (UD)  | Chính trị học       | Lớp phó    |

|    |                |                        |            |                      |                                  |            |
|----|----------------|------------------------|------------|----------------------|----------------------------------|------------|
| 37 | 2483102011032  | NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN | 16/19/1987 | K32.1_CTH_C2 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 38 | 2483102011030  | NGUYỄN MINH TÙNG       | 29/06/1992 | K32.1_CTH_C2 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 39 | 2483102011010  | TRƯỜNG LƯƠNG ANH       | 22/12/1984 | K32.1_CTH_C2 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 40 | 2483102011037  | LÊ VĂN TÂM             | 03/02/1982 | K32.1_CTH_C2 (UD)    | Chính trị học                    | Lớp trưởng |
| 41 | 2483102011035  | TỔNG THỊ THANH         | 19/08/1988 | K32.1_CTH_C2 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 42 | 2483102011004  | PHAN LÊ ĐÌNH PHÚC      | 13/02/1993 | K32.1_CTH_C3 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 43 | 2483102011014  | NGUYỄN THỊ YẾN NHI     | 02/01/1995 | K32.1_CTH_C3 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 44 | 2483102011043  | PHAN TÂN ANH           | 25/10/1992 | K32.1_CTH_C3 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 45 | 2483102011013  | NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG     | 05/09/1997 | K32.1_CTH_C3 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 46 | 2483102011022  | NGUYỄN MINH PHÚC       | 27/07/1996 | K32.1_CTH_C3 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 47 | 2483102011016  | NGÔ THỊ THANH TRÚC     | 12/04/1981 | K32.1_CTH_C3 (UD)    | Chính trị học                    | Lớp phó    |
| 48 | 2483102011003  | NGUYỄN VĂN PHÚC        | 10/06/1997 | K32.1_CTH_C3 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 49 | 2483102011011  | PHẠM VĂN THIÊN         | 23/12/1990 | K32.1_CTH_C3 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 50 | 2483102011018  | LÝ KHÁNH THUẬN         | 01/10/1987 | K32.1_CTH_C3 (UD)    | Chính trị học                    | Lớp trưởng |
| 51 | 2483102011017  | NGUYỄN ĐÌNH THƯỜNG     | 04/10/1984 | K32.1_CTH_C3 (UD)    | Chính trị học                    |            |
| 52 | 2484601041004  | PHAN HOÀI THƯỜNG       | 02/11/2002 | K32.1_Dại số_A1 (NC) | Dại số và lý thuyết số           | Lớp phó    |
| 53 | 2484601041001  | PHAN TRÂM OANH         | 21/02/1996 | K32.1_Dại số_A1 (NC) | Dại số và lý thuyết số           |            |
| 54 | 2484601041005  | HOÀNG THỊ PHƯƠNG       | 23/03/1996 | K32.1_Dại số_A1 (NC) | Dại số và lý thuyết số           |            |
| 55 | 2484601041002  | NGUYỄN THỊ LINH TRANG  | 26/02/2001 | K32.1_Dại số_A1 (NC) | Dại số và lý thuyết số           |            |
| 56 | 2484601041003  | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HÒA  | 04/02/2001 | K32.1_Dại số_A1 (NC) | Dại số và lý thuyết số           | Lớp trưởng |
| 57 | 24814010121067 | NGUYỄN ĐẮC QUỲNH NGA   | 01/05/1988 | K32.1_GDMN_A1 (UD)   | Giáo dục học (Giáo dục mầm non)  | Lớp phó    |
| 58 | 24814010121018 | NGUYỄN THỊ THẢO TRANG  | 28/08/1994 | K32.1_GDMN_A1 (UD)   | Giáo dục học (Giáo dục mầm non)  |            |
| 59 | 24814010121064 | TRẦN THỊ THANH XUÂN    | 03/12/1988 | K32.1_GDMN_A1 (UD)   | Giáo dục học (Giáo dục mầm non)  |            |
| 60 | 24814010121059 | NGUYỄN THỊ THANH DUNG  | 17/12/1982 | K32.1_GDMN_A1 (UD)   | Giáo dục học (Giáo dục mầm non)  | Lớp trưởng |
| 61 | 24814010121032 | TRẦN ÁI LINH           | 13/10/1988 | K32.1_GDMN_A1 (UD)   | Giáo dục học (Giáo dục mầm non)  |            |
| 62 | 24814010121068 | HỒ MỸ THẨM             | 19/12/1997 | K32.1_GDMN_A1 (UD)   | Giáo dục học (Giáo dục mầm non)  |            |
| 63 | 24814010131048 | LƯU HOÀNG GIANG        | 27/12/2002 | K32.1_GDTC_A1 (UD)   | Giáo dục học (Giáo dục thể chất) | Lớp trưởng |
| 64 | 24814010131052 | TRẦN HOÀNG THÔNG       | 23/07/2002 | K32.1_GDTC_A1 (UD)   | Giáo dục học (Giáo dục thể chất) |            |
| 65 | 24814010131037 | LÊ VĂN CHÍ             | 19/06/1984 | K32.1_GDTC_A1 (UD)   | Giáo dục học (Giáo dục thể chất) |            |
| 66 | 24814010131062 | NGUYỄN NGHI PHƯƠNG     | 20/03/2000 | K32.1_GDTC_A1 (UD)   | Giáo dục học (Giáo dục thể chất) | Lớp phó    |
| 67 | 24814010111030 | VÕ THÀNH TÂM           | 20/08/2000 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 68 | 24814010111027 | TRƯỜNG THỊ PHƯƠNG NHI  | 22/11/1999 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) | Lớp trưởng |
| 69 | 24814010111072 | NGUYỄN THỊ KIM OANH    | 12/11/2000 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 70 | 24814010111011 | TRƯỜNG THỊ HÀ LY       | 05/07/1996 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 71 | 24814010111026 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG | 02/05/2002 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 72 | 24814010111056 | PHẠM THỊ HUYỀN TRANG   | 21/06/2000 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 73 | 24814010111029 | NGUYỄN THỊ THANH HIỀN  | 15/12/2001 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 74 | 24814010111002 | LỮ NGỌC TRINH          | 19/09/1998 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 75 | 24814010111051 | NGUYỄN THỊ NGỌC SỎA    | 08/11/2001 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 76 | 24814010111013 | NGUYỄN HÀ ANH          | 21/05/2002 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 77 | 24814010111043 | TÔ TRUNG ANH           | 15/03/2002 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 78 | 24814010111022 | LÊ THỊ PHƯƠNG THANH    | 14/09/1992 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) | Lớp phó    |
| 79 | 24814010111047 | VĂN THỊ YẾN            | 20/07/1993 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 80 | 24814010111061 | NGUYỄN NHƯ QUỲNH       | 09/10/2001 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 81 | 24814010111006 | NGUYỄN PHƯƠNG NHUNG    | 17/11/2002 | K32.1_GDTH_A1 (NC)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |

|     |                |                       |            |                    |                                  |            |
|-----|----------------|-----------------------|------------|--------------------|----------------------------------|------------|
| 82  | 24814010111004 | LÊ HƯƠNG THẢO         | 28/06/1999 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 83  | 24814010111003 | VŨ THỊ KIM OANH       | 03/03/1999 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 84  | 24814010111016 | NGUYỄN THỊ THANH HOÀI | 02/01/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) | Lớp trưởng |
| 85  | 24814010111065 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY     | 04/05/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 86  | 24814010111036 | LÊ THỊ THU HƯƠNG      | 13/08/1995 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) | Lớp phó    |
| 87  | 24814010111007 | NGUYỄN THỊ HÀ UYÊN    | 10/04/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 88  | 24814010111069 | NGUYỄN THỊ THẢO LÝ    | 10/08/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 89  | 24814010111041 | NGUYỄN TƯỜNG VY       | 19/12/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 90  | 24814010111053 | NGUYỄN THỊ THU HẠ     | 14/04/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 91  | 24814010111038 | CAO THỊ LY            | 12/11/1996 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 92  | 24814010111033 | TRẦN HÀ MY            | 26/01/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 93  | 24814010111028 | HUỲNH NGỌC THÙY TRANG | 16/07/1976 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 94  | 24814010111034 | HỒ NGỌC ANH           | 23/10/1990 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 95  | 24814010111017 | NGUYỄN THỊ MINH SOA   | 20/08/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 96  | 24814010111031 | PHÙNG HÀ MY           | 26/01/2001 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 97  | 24814010111021 | TRẦN THỊ THU HOÀI     | 22/02/2001 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 98  | 24814010111009 | LÊ KIM NGÂN           | 12/01/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 99  | 24814010111019 | BÙI THỊ THẨM          | 17/12/2000 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 100 | 24814010111057 | ĐINH THỊ NGỌC LINH    | 14/08/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 101 | 24814010111040 | NGUYỄN THỊ BÍCH DUYÊN | 26/08/1987 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 102 | 24814010111060 | KIỀU VŨ QUỲNH PHƯƠNG  | 20/11/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 103 | 24814010111071 | VÕ THỊ HIỀN           | 08/11/2000 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 104 | 24814010111042 | DƯƠNG HƯƠNG GIANG     | 10/12/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 105 | 24814010111001 | CAO THỊ NGUYỆT        | 16/07/1999 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 106 | 24814010111005 | PHẠM THỊ THÁI         | 19/09/2000 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 107 | 24814010111050 | NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN   | 30/12/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 108 | 24814010111063 | NGUYỄN THỊ THANH XUÂN | 18/07/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 109 | 24814010111054 | LÂM THỊ KIM MỸ        | 19/10/1996 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 110 | 24814010111058 | LÊ NGỌC QUỲNH         | 06/03/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 111 | 24814010111049 | LÊ THỊ CẨM LY         | 13/08/2001 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 112 | 24814010111045 | NGUYỄN PHÚC ĐỨC       | 11/11/2002 | K32.1_GDTH A2 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 113 | 24814010111014 | PHẠM THỊ BÍCH PHƯƠNG  | 22/04/2001 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 114 | 24814010111039 | NGUYỄN THỊ MỸ LINH    | 04/09/1999 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 115 | 24814010111044 | VŨ THỊ LAN            | 01/02/2000 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 116 | 24814010111015 | BÙI THANH THẢO        | 09/10/2001 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 117 | 24814010111024 | PHẠM THỊ DIỆU THANH   | 22/08/2001 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 118 | 24814010111046 | NGUYỄN HƯƠNG LAN      | 13/06/1999 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 119 | 24814010111010 | ĐỖ THỊ HƯƠNG          | 05/06/1987 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 120 | 24814010111070 | NGUYỄN THỊ THÊU       | 03/11/1990 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 121 | 24814010111055 | PHẠM THỊ HOA          | 11/08/1987 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 122 | 24814010111025 | TRẦN THỊ QUỲNH        | 25/04/2000 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 123 | 24814010111012 | TỔNG THỊ HẰNG         | 21/02/2000 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |
| 124 | 24814010111023 | ĐỒNG THỊ DUNG         | 27/01/1987 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) | Lớp trưởng |
| 125 | 24814010111035 | TRẦN MINH ĐỨC         | 25/10/1999 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) | Lớp phó    |
| 126 | 24814010111008 | TRẦN THANH HUỲEN      | 17/12/2002 | K32.1_GDTH B1 (UD) | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học) |            |

|     |                |                         |            |                      |                                          |            |
|-----|----------------|-------------------------|------------|----------------------|------------------------------------------|------------|
| 127 | 24814010111020 | PHAM NGOC ANH           | 01/04/2001 | K32.1_GDTH B1 (UD)   | Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)         |            |
| 128 | 2484401141002  | NGŨ THỊ TRA GIANG       | 18/12/2001 | K32.1_Hóa HC_A1 (NC) | Hoá hữu cơ                               | Lớp trưởng |
| 129 | 2484401141001  | NGUYỄN THỊ TRANG        | 27/02/1986 | K32.1_Hóa HC_A1 (NC) | Hoá hữu cơ                               |            |
| 130 | 2484401141004  | LÊ DIỆU LINH            | 24/08/2002 | K32.1_Hóa HC_A1 (NC) | Hoá hữu cơ                               |            |
| 131 | 2484401141003  | VŨ THỊ HOÀI             | 01/04/1996 | K32.1_Hóa HC_A1 (NC) | Hoá hữu cơ                               | Lớp phó    |
| 132 | 2484401181002  | ĐẬU ĐĂNG THIỆN          | 08/09/1998 | K32.1_Hóa PT_A1 (NC) | Hoá phân tích                            | Lớp trưởng |
| 133 | 2484401181001  | HÀ THỦY OANH            | 16/01/2002 | K32.1_Hóa PT_A1 (NC) | Hoá phân tích                            | Lớp phó    |
| 134 | 2484401181004  | PHẠM THỊ KIM NGÂN       | 07/12/2002 | K32.1_Hóa PT_A1 (NC) | Hoá phân tích                            |            |
| 135 | 2484401181003  | NGUYỄN THỊ LINH CHI     | 05/09/2002 | K32.1_Hóa PT_A1 (NC) | Hoá phân tích                            |            |
| 136 | 2483403011005  | HOÀNG THỊ THẢO LINH     | 30/04/1994 | K32.1_Kế toán_A1     | Kế toán                                  |            |
| 137 | 2483403011009  | TRẦN LINH GIANG         | 06/10/1994 | K32.1_Kế toán_A1     | Kế toán                                  |            |
| 138 | 2483403011001  | NGUYỄN THÚY VY          | 26/10/2002 | K32.1_Kế toán_A1     | Kế toán                                  |            |
| 139 | 2483403011002  | TRẦN THỊ HẢI YẾN        | 26/03/1987 | K32.1_Kế toán_A1     | Kế toán                                  | Lớp phó    |
| 140 | 2483403011006  | ĐÀO MINH TÂM            | 07/02/2002 | K32.1_Kế toán_A1     | Kế toán                                  |            |
| 141 | 2483403011010  | TRẦN MẠNH HẢI           | 02/12/1980 | K32.1_Kế toán_A1     | Kế toán                                  | Lớp trưởng |
| 142 | 2483403011003  | LÊ THỊ TỎ UYÊN          | 13/10/1998 | K32.1_Kế toán_A1     | Kế toán                                  |            |
| 143 | 2483403011008  | TẶNG THỊ LƯƠNG          | 29/08/2002 | K32.1_Kế toán_A1     | Kế toán                                  |            |
| 144 | 2483403011004  | LÊ KHÁNH TUẤN           | 15/11/1997 | K32.1_Kế toán_A1     | Kế toán                                  |            |
| 145 | 2483403011007  | UÔNG THỊ MINH DIỆP      | 04/04/2002 | K32.1_Kế toán_A1     | Kế toán                                  |            |
| 146 | 2483101021009  | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO  | 23/07/2001 | K32.1_KTCT_A1        | Kinh tế chính trị                        | Lớp phó    |
| 147 | 2483101021002  | NGUYỄN THỊ THÙY TRANG   | 07/07/2002 | K32.1_KTCT_A1        | Kinh tế chính trị                        |            |
| 148 | 2483101021001  | NGUYỄN HÀ AN            | 06/05/2002 | K32.1_KTCT_A1        | Kinh tế chính trị                        |            |
| 149 | 2483101021007  | PHẠM ĐÌNH HÙNG          | 08/08/2002 | K32.1_KTCT_A1        | Kinh tế chính trị                        |            |
| 150 | 2483101021008  | TRẦN DÌNH THƠ           | 12/02/1981 | K32.1_KTCT_A1        | Kinh tế chính trị                        | Lớp trưởng |
| 151 | 2483101021006  | PHẠM TIẾN THÀNH         | 01/08/1991 | K32.1_KTCT_A1        | Kinh tế chính trị                        |            |
| 152 | 2483101021003  | HỒ BẢ TU                | 02/09/1996 | K32.1_KTCT_A1        | Kinh tế chính trị                        |            |
| 153 | 2483101021005  | CHU THỊ THU             | 24/11/1993 | K32.1_KTCT_A1        | Kinh tế chính trị                        |            |
| 154 | 2483101021004  | NGUYỄN THÁI KHÔI        | 21/01/1994 | K32.1_KTCT_A1        | Kinh tế chính trị                        |            |
| 155 | 2485802011004  | HÀ DÌNH TUẤN            | 20/05/1991 | K32.1_KTXD_A1 (UD)   | Kỹ thuật xây dựng                        | Lớp trưởng |
| 156 | 2485802011001  | NGUYỄN NHẬT HUYNH       | 04/03/1997 | K32.1_KTXD_A1 (UD)   | Kỹ thuật xây dựng                        |            |
| 157 | 2485802011003  | NGUYỄN THÁI HOÀNG       | 22/05/1990 | K32.1_KTXD_A1 (UD)   | Kỹ thuật xây dựng                        |            |
| 158 | 2485802011002  | NGUYỄN VĂN THIẾU        | 09/10/1986 | K32.1_KTXD_A1 (UD)   | Kỹ thuật xây dựng                        |            |
| 159 | 2483801061007  | NGUYỄN THỊ NGỌC ANH     | 06/09/2001 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 160 | 2483801061018  | VÔ THỊ HẠNH LOAN        | 07/12/1999 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 161 | 2483801061008  | TRẦN THỊ TÂM            | 14/11/1986 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 162 | 2483801061004  | LÊ NGUYỄN HOÀNG ĐỨC     | 11/03/1999 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 163 | 2483801061006  | PHẠM QUỐC VIỆT          | 22/01/2002 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 164 | 2483801061014  | LÊ THỊ YẾN              | 14/01/2001 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 165 | 2483801061042  | ĐẶNG MINH NGỌC          | 03/04/2002 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 166 | 2483801061027  | NGUYỄN KIỀU YẾN NHI     | 09/11/2000 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 167 | 2483801064045  | PHONPAKDY KININ         | 06/01/1987 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 168 | 2483801061011  | NGUYỄN PHẠM THẢO NGUYỄN | 14/05/2002 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 169 | 2483801061043  | NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG  | 10/02/1997 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 170 | 2483801061020  | TRẦN THỊ HOÀI VŨ        | 10/06/1991 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 171 | 2483801061021  | TRẦN THỊ DIỆU LINH      | 07/10/2000 | K32.1_Luật A1 (UD)   | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |

|     |               |                      |            |                    |                                          |            |
|-----|---------------|----------------------|------------|--------------------|------------------------------------------|------------|
| 172 | 2483801061028 | NGUYỄN NHƯ Ý         | 23/10/1991 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 173 | 2483801061019 | ĐẶNG BẢO HẰNG        | 16/07/1998 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 174 | 2483801061029 | HOÀNG THẢO LY        | 18/04/2001 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 175 | 2483801061016 | NGUYỄN THỊ MỸ VÂN    | 16/11/2002 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | Lớp phó    |
| 176 | 2483801061012 | NGUYỄN CẨM NHUNG     | 04/06/1992 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 177 | 2483801061022 | HÀ VĂN HẢI           | 09/09/1986 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | Lớp trưởng |
| 178 | 2483801061010 | CAO THỊ THU HÀ       | 25/06/1988 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | Lớp phó    |
| 179 | 2483801061009 | NGUYỄN THẢO CHI      | 19/10/2001 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 180 | 2483801061013 | ĐẶNG NAM KHÁNH       | 22/10/2002 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 181 | 2483801061037 | LÊ HỒNG NA           | 12/11/2000 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 182 | 2483801061024 | NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ   | 28/10/1999 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 183 | 2483801061034 | TRẦN THỊ NHẬT THANH  | 29/09/2001 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 184 | 2483801061017 | NGUYỄN TRỌNG BẢO     | 23/10/2002 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 185 | 2483801061002 | NGUYỄN THANH TÙNG    | 05/09/2001 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 186 | 2483801061041 | NGUYỄN THANH TIỀN    | 07/06/1983 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 187 | 2483801061003 | TRẦN THỊ THANH HUYỀN | 18/07/1992 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 188 | 2483801061030 | NGUYỄN MẠNH ĐẠT      | 18/08/1997 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 189 | 2483801061033 | NGUYỄN QUANG ĐẠT     | 19/01/2002 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 190 | 2483801061015 | PHẠM THỊ HUYỀN       | 18/12/2000 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 191 | 2483801061026 | TRỊNH VIỆT PHÚC      | 11/09/1997 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 192 | 2483801061032 | PHẠM VĂN TRUNG       | 11/06/2001 | K32.1_Luật A1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 193 | 2483801061005 | NGÔ THỊ HẠNH         | 16/06/1980 | K32.1_Luật B1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | Lớp trưởng |
| 194 | 2483801061039 | LÝ HOÀNG HẢI         | 15/09/1999 | K32.1_Luật B1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 195 | 2483801061025 | NGUYỄN CÔNG THÀNH    | 11/05/1981 | K32.1_Luật B1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | Lớp phó    |
| 196 | 2483801061031 | NGUYỄN NHẬT HẢI VY   | 23/10/2002 | K32.1_Luật B1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 197 | 2483801061038 | NGUYỄN THẾ THẮNG     | 10/11/1999 | K32.1_Luật B1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 198 | 2483801061040 | NGUYỄN THỊ THỦY      | 10/03/1979 | K32.1_Luật B1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 199 | 2483801061036 | LÊ BÁ THOẠI          | 07/10/1975 | K32.1_Luật B1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật | Lớp phó    |
| 200 | 2483801061044 | LUU VĂN TUYỀN        | 15/10/1988 | K32.1_Luật B1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 201 | 2483801061035 | NGUYỄN TRẦN LÂM      | 03/10/2000 | K32.1_Luật B1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 202 | 2483801061023 | HOÀNG VĂN ĐẠT        | 14/06/1982 | K32.1_Luật B1 (UD) | Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật |            |
| 203 | 2482201021006 | ĐẶNG THỊ NGHĨA QUYÊN | 12/06/2002 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 204 | 2482201021018 | VŨ THỊ YẾN LỢI       | 29/08/2002 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 205 | 2482201021007 | NGUYỄN THỊ HÀ TRANG  | 23/02/2002 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 206 | 2482201021010 | LÊ THỊ THỦY TRANG    | 28/08/2001 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 207 | 2482201021004 | LÔ VĂN NHẬT          | 27/05/2002 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 208 | 2482201021013 | NGUYỄN THỦY LINH     | 19/08/2002 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        | Lớp phó    |
| 209 | 2482201021003 | THÁI THỊ NGỌC ẢNH    | 11/12/2001 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 210 | 2482201021005 | LÊ THỊ THUỶ          | 16/10/2001 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 211 | 2482201021001 | LÊ THỊ ANH THƠ       | 13/07/2002 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 212 | 2482201021019 | CÙ THỊ HẠNH          | 12/01/2001 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 213 | 2482201021012 | PHAN NGỌC THANH      | 29/03/1995 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 214 | 2482201021009 | NGUYỄN THỊ THU       | 10/05/2002 | K32.1_NNVN_A1 (NC) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 215 | 2482201021008 | HÀ LÊ THỰC UYÊN      | 14/09/2001 | K32.1_NNVN_A1 (UD) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |
| 216 | 2482201021014 | HỒ THỊ MINH HẰNG     | 20/06/2000 | K32.1_NNVN_A1 (UD) | Ngôn ngữ Việt Nam                        |            |

|     |                |                         |            |                      |                                                 |            |
|-----|----------------|-------------------------|------------|----------------------|-------------------------------------------------|------------|
| 217 | 2482201021015  | LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO      | 31/08/2002 | K32.1_NNVN_A1 (UD)   | Ngôn ngữ Việt Nam                               |            |
| 218 | 2482201021002  | LÊ GIANG CHI            | 16/01/2001 | K32.1_NNVN_A1 (UD)   | Ngôn ngữ Việt Nam                               |            |
| 219 | 2482201021011  | NGUYỄN THỊ YẾN          | 25/09/2001 | K32.1_NNVN_A1 (UD)   | Ngôn ngữ Việt Nam                               |            |
| 220 | 2482201021017  | LÊ THỊ MAI PHƯƠNG       | 28/07/2002 | K32.1_NNVN_A1 (UD)   | Ngôn ngữ Việt Nam                               |            |
| 221 | 2482201021016  | NGUYỄN THỊ NGỌC MAI     | 21/03/2002 | K32.1_NNVN_A1 (UD)   | Ngôn ngữ Việt Nam                               | Lớp trưởng |
| 222 | 24814011181027 | NGUYỄN THỊ HUYỀN LINH   | 18/02/1999 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 223 | 24814011181056 | ĐẬU HÀ LINH             | 22/03/1995 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 224 | 24814011181045 | NGUYỄN THỊ MAI LIÊN     | 30/04/1990 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 225 | 24814011181015 | ĐẶNG THỊ THỦY HẰNG      | 16/12/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 226 | 24814011181043 | PHẠM THỊ THANH NHÀN     | 21/04/2000 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 227 | 24814011181040 | NGUYỄN THỊ THẢO TRANG   | 18/10/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 228 | 24814011181009 | NGUYỄN THỊ THÙY         | 02/02/2000 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 229 | 24814011181021 | THÁI BÍCH NGỌC          | 21/05/1999 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh | Lớp phó    |
| 230 | 24814011181016 | VÕ THỊ THỦY LINH        | 14/07/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 231 | 24814011181041 | TRẦN KHÁNH CHI          | 16/05/2002 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 232 | 24814011181018 | NGUYỄN QUỐC HIẾU        | 15/01/2000 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 233 | 24814011181054 | ĐÀM THỊ BÍCH THỦY       | 24/06/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 234 | 24814011181037 | NGUYỄN NỮ XUÂN MAI      | 03/11/2002 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 235 | 24814011181001 | TRINH ĐOÀN BẢO NGỌC     | 17/10/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh | Lớp trưởng |
| 236 | 24814011181038 | PHÙNG THẾ NHÂN          | 08/11/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 237 | 24814011181011 | DƯ KHÁNH DIỆP           | 20/10/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 238 | 24814011181058 | NGUYỄN THỊ TRÀ MY       | 23/12/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 239 | 24814011181060 | NGUYỄN NHẬT LINH        | 09/01/2002 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 240 | 24814011181002 | PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG    | 18/09/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 241 | 24814011181028 | ĐẶNG THỊ NGỌC QUÊ       | 25/06/2002 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 242 | 24814011181013 | NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ     | 07/11/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 243 | 24814011181044 | PHẠM THỊ QUỲNH ANH      | 05/06/2024 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 244 | 24814011181024 | BÀ KHÁNH HUYỀN          | 22/08/1999 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 245 | 24814011181067 | VÕ NHẬT LINH            | 24/03/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 246 | 24814011181007 | HOÀNG THỊ THANH THỦY    | 25/03/2000 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 247 | 24814011181053 | ĐINH THỊ NGỌC ANH       | 17/10/1999 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 248 | 24814011181014 | NGUYỄN PHAN KHÁNH HUYỀN | 14/11/2002 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 249 | 24814011181073 | NGUYỄN HÀ TRANG         | 01/12/2001 | K32.1_PP Anh_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 250 | 24814011181050 | VÕ THỊ QUỲNH ANH        | 22/01/2002 | K32.1_PP Anh_A2 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh | Lớp trưởng |
| 251 | 24814011181029 | TRẦN THỊ HAI YẾN        | 03/02/2002 | K32.1_PP Anh_A2 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 252 | 24814011181006 | NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG  | 09/01/2001 | K32.1_PP Anh_A2 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 253 | 24814011181031 | NGUYỄN NGỌC LINH        | 04/04/2002 | K32.1_PP Anh_A2 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 254 | 24814011181003 | HỒ THỊ NGUYỄN           | 30/07/1997 | K32.1_PP Anh_A2 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 255 | 24814011181039 | NGUYỄN HOÀNG HIẾU AN    | 11/11/2002 | K32.1_PP Anh_A2 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 256 | 24814011181012 | HỒ THỊ QUỲNH THƠ        | 19/11/1999 | K32.1_PP Anh_A2 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 257 | 24814011181071 | THÁI THỊ HUYỀN ANH      | 16/01/2001 | K32.1_PP Anh_A2 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 258 | 24814011181025 | NGÔ THỊ THAO            | 08/03/2000 | K32.1_PP Anh_A2 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 259 | 24814011181062 | TRẦN PHƯƠNG UYÊN        | 02/03/2002 | K32.1_PP Anh_A2 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |            |
| 260 | 24814011131022 | NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH     | 04/01/1982 | K32.1_PP Hòa_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học   |            |
| 261 | 24814011131046 | HOÀNG THỊ MỸ HẢO        | 14/01/2002 | K32.1_PP Hòa_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học   |            |

|     |                |                        |            |                       |                                                |            |
|-----|----------------|------------------------|------------|-----------------------|------------------------------------------------|------------|
| 262 | 24814011131047 | PHAN HOÀNG LINH        | 14/08/2002 | K32.1_PP Hóa_A1 (NC)  | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học  | Lớp phó    |
| 263 | 24814011131063 | NGUYỄN THỊ DIỄM THỊ    | 01/08/1989 | K32.1_PP Hóa_A1 (NC)  | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học  |            |
| 264 | 24814011131072 | NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI   | 13/01/2001 | K32.1_PP Hóa_A1 (NC)  | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học  |            |
| 265 | 24814011131004 | BÙI NGUYỄN NHẬT LINH   | 01/10/2000 | K32.1_PP Hóa_A1 (UD)  | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học  | Lớp trưởng |
| 266 | 24814011131034 | ĐINH CẢNH TÙNG         | 01/08/1996 | K32.1_PP Hóa_A1 (UD)  | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học  |            |
| 267 | 24814011121042 | ĐẶNG THỊ MINH PHƯƠNG   | 19/10/2002 | K32.1_PP Lý_A1 (NC)   | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý   |            |
| 268 | 24814011121036 | LÊ TRẢ GIANG           | 03/01/2001 | K32.1_PP Lý_A1 (NC)   | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý   |            |
| 269 | 24814011121008 | NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG | 29/12/1988 | K32.1_PP Lý_A1 (NC)   | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý   |            |
| 270 | 24814011121051 | LÊ THỊ HƯƠNG TRÀ       | 28/08/2002 | K32.1_PP Lý_A1 (NC)   | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý   | Lớp phó    |
| 271 | 24814011121019 | NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM   | 20/01/1996 | K32.1_PP Lý_A1 (NC)   | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý   | Lớp trưởng |
| 272 | 24814011141052 | THẨM THANH TÂN         | 10/01/1986 | K32.1_PP Sinh_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học |            |
| 273 | 24814011141061 | ĐOÀN THỊ QUỲ HUYỀN     | 12/03/1986 | K32.1_PP Sinh_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học | Lớp phó    |
| 274 | 24814011141023 | LÊ THỊ MỸ XUYỀN        | 10/04/1990 | K32.1_PP Sinh_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học |            |
| 275 | 24814011141066 | NGUYỄN THỊ THẢO        | 01/02/1994 | K32.1_PP Sinh_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học |            |
| 276 | 24814011141048 | TRẦN THỊ THU           | 01/01/1992 | K32.1_PP Sinh_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học | Lớp trưởng |
| 277 | 24814011141065 | BÙI THỊ KIM LIÊN       | 21/08/1988 | K32.1_PP Sinh_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học |            |
| 278 | 24814011111059 | NGUYỄN THỊ THU UYÊN    | 21/01/2001 | K32.1_PP Toán_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 279 | 24814011111020 | TRƯƠNG VĂN THÁI        | 30/03/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     | Lớp phó    |
| 280 | 24814011111032 | NGUYỄN QUỲNH LƯƠNG     | 28/06/2001 | K32.1_PP Toán_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     | Lớp trưởng |
| 281 | 24814011111017 | NGUYỄN ĐỨC HUY         | 25/08/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 282 | 24814011111049 | ĐẬU PHƯƠNG THẢO        | 20/11/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 283 | 24814011111035 | TRẦN THỊ THẢO OANH     | 12/02/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 284 | 24814011111010 | HỒ THỊ NHƯ QUỲNH       | 27/12/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 285 | 24814011111074 | NGUYỄN THỊ TRANG       | 14/05/1987 | K32.1_PP Toán_A1 (NC) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 286 | 24814011111030 | HỒ THỊ YẾN NHI         | 10/01/2001 | K32.1_PP Toán_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     | Lớp phó    |
| 287 | 24814011111064 | NGUYỄN KHÁNH LINH      | 24/02/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 288 | 24814011111033 | PHAN HIỀN ANH          | 29/09/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 289 | 24814011111068 | NGUYỄN CẢNH HÙNG       | 18/12/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 290 | 24814011111055 | VŨ THỊ NGHĨA           | 27/03/1991 | K32.1_PP Toán_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 291 | 24814011111070 | DƯƠNG THỊ YẾN          | 19/05/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 292 | 24814011111069 | NGÔ THỊ NGỌC MINH      | 11/08/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     | Lớp trưởng |
| 293 | 24814011111026 | PHAN THỊ THỦY DƯƠNG    | 24/06/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 294 | 24814011111057 | NGUYỄN NỮ THỦY DUNG    | 10/10/2002 | K32.1_PP Toán_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 295 | 24814011111005 | ĐẶNG MINH TRƯỜNG       | 29/03/1982 | K32.1_PP Toán_A1 (UD) | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán     |            |
| 296 | 2481401141014  | NGUYỄN HỮU THANH       | 12/01/1988 | K32.1_QLGD_A1 (UD)    | Quản lý giáo dục                               |            |
| 297 | 2481401141007  | NGUYỄN HỮU HỒNG        | 26/02/1983 | K32.1_QLGD_A1 (UD)    | Quản lý giáo dục                               |            |
| 298 | 2481401141001  | ĐẶNG THỊ CẨM TÚ        | 13/05/2002 | K32.1_QLGD_A1 (UD)    | Quản lý giáo dục                               |            |
| 299 | 2481401141013  | TRẦN THỊ LAN           | 05/05/1999 | K32.1_QLGD_A1 (UD)    | Quản lý giáo dục                               |            |
| 300 | 2481401141012  | NGUYỄN ĐỨC THẮNG       | 05/07/1977 | K32.1_QLGD_A1 (UD)    | Quản lý giáo dục                               |            |
| 301 | 2481401141011  | ĐỖ THỊ KIỀU LIÊN       | 04/01/1994 | K32.1_QLGD_A1 (UD)    | Quản lý giáo dục                               |            |
| 302 | 2481401141009  | VÔ THỊ NGUYỆT          | 25/11/1992 | K32.1_QLGD_A1 (UD)    | Quản lý giáo dục                               | Lớp trưởng |
| 303 | 2481401141002  | TRẦN THỊ TRẢ MY        | 14/10/1989 | K32.1_QLGD_A1 (UD)    | Quản lý giáo dục                               |            |
| 304 | 2481401141010  | TRẦN THỊ THU HÁ        | 10/08/1981 | K32.1_QLGD_A1 (UD)    | Quản lý giáo dục                               |            |
| 305 | 2481401141005  | HỒ ĐỨC NGỌC            | 12/09/1984 | K32.1_QLGD_A1 (UD)    | Quản lý giáo dục                               |            |
| 306 | 2481401141003  | BÙI VĂN CÔNG           | 08/10/1979 | K32.1_QLGD_A1 (UD)    | Quản lý giáo dục                               |            |

|     |               |                        |            |                    |                     |            |
|-----|---------------|------------------------|------------|--------------------|---------------------|------------|
| 307 | 2481401141015 | NGUYỄN VĂN THÀI        | 02/12/2001 | K32.1_QLGD_A1 (UD) | Quản lý giáo dục    |            |
| 308 | 2481401141008 | NGUYỄN PHƯƠNG ANH      | 10/12/2001 | K32.1_QLGD_A1 (UD) | Quản lý giáo dục    | Lớp phó    |
| 309 | 2481401141006 | CÚ THỊ MAI HƯƠNG       | 01/07/1987 | K32.1_QLGD_A1 (UD) | Quản lý giáo dục    |            |
| 310 | 2481401141004 | BÙI THỊ LIÊN           | 12/07/1990 | K32.1_QLGD_A1 (UD) | Quản lý giáo dục    |            |
| 311 | 2483101101006 | LÊ VĂN THỨC            | 20/07/1985 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 312 | 2483101101005 | ĐOÀN PHAN QUỲNH TRANG  | 10/02/2002 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 313 | 2483101101037 | NGUYỄN THỦY QUỲNH      | 25/04/2002 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 314 | 2483101101001 | NGUYỄN THỊ HUYỀN       | 03/12/1988 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 315 | 2483101101003 | NGUYỄN THỊ THU TRANG   | 23/10/2000 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 316 | 2483101101030 | LÊ THỊ THANH TÂM       | 20/05/1985 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     | Lớp trưởng |
| 317 | 2483101101025 | TRƯƠNG THỊ NA          | 13/02/1993 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 318 | 2483101101032 | PHẠM THỊ THẨM          | 14/05/1988 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     | Lớp phó    |
| 319 | 2483101101009 | CHÈ MINH HIẾU          | 24/12/1997 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     | Lớp phó    |
| 320 | 2483101101026 | VÔ THẢO LINH           | 14/07/2002 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 321 | 2483101101038 | PHAN CÔNG ĐỨC          | 18/08/1998 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 322 | 2483101101024 | TRẦN THỊ HUYỀN         | 04/07/1997 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 323 | 2483101101039 | NGUYỄN TUẤN VŨ         | 29/01/1997 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 324 | 2483101101035 | NGUYỄN THẾ TÀI         | 04/02/1995 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 325 | 2483101101012 | NGUYỄN TÁT AN THUYỀN   | 10/08/2001 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 326 | 2483101101033 | ĐẶNG HUYỀN TRÂM        | 25/09/1991 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 327 | 2483101101016 | NGUYỄN ĐIỀU THỦY       | 12/11/2001 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 328 | 2483101101017 | TRẦN THỊ QUỲNH CHI     | 10/02/1999 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 329 | 2483101101013 | NGUYỄN ĐƯƠNG ĐĂNG KHOA | 29/08/1987 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 330 | 2483101101019 | VÔ THỊ HÀ AN           | 12/05/1999 | K32.1_QLKT_A1 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 331 | 2483101101002 | PHẠM THẢO MỸ           | 05/03/2001 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 332 | 2483101101023 | NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG       | 13/11/1992 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     | Lớp trưởng |
| 333 | 2483101101004 | LƯƠNG THỊ THU HÀ       | 20/08/1988 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     | Lớp phó    |
| 334 | 2483101101010 | ĐINH THỊ QUỲNH NGÀ     | 25/03/1996 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 335 | 2483101101031 | NGUYỄN THỊ THUỶ        | 17/05/1986 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 336 | 2483101101021 | LÊ ĐÌNH QUỶ            | 02/02/1999 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 337 | 2483101101028 | TRẦN THỊ LAN HƯƠNG     | 30/07/2002 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 338 | 2483101101007 | HÀ HUY HÙNG            | 17/10/1999 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 339 | 2483101101027 | TRẦN QUỐC QUÂN         | 15/11/1981 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 340 | 2483101101008 | LÊ THỊ VIỆT HÀ         | 02/06/1997 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     | Lớp phó    |
| 341 | 2483101101015 | HỒ THỊ THU HIỀN        | 12/10/1997 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 342 | 2483101101029 | TRỊNH THỊ HỒNG HẠNH    | 04/05/2000 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 343 | 2483101101022 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN    | 10/01/2001 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 344 | 2483101101040 | NGUYỄN ĐÌNH HÙNG       | 13/03/2001 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 345 | 2483101101034 | ĐINH NGUYỄN THẢO AN    | 10/06/2001 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 346 | 2483101101018 | NGUYỄN THỊ KIM OANH    | 07/11/1988 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 347 | 2483101101020 | NGUYỄN THỊ HIỀN LỸ     | 23/08/2002 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 348 | 2483101101014 | PHẠM VĂN KHÁNH         | 02/09/1996 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 349 | 2483101101011 | TRẦN THỊ MINH TỬ       | 28/09/2002 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 350 | 2483101101036 | KIỀU THỊ NGỌC DUNG     | 01/02/1989 | K32.1_QLKT_A2 (UD) | Quản lý kinh tế     |            |
| 351 | 2483401011005 | NGUYỄN VĂN HỌC         | 16/12/1980 | K32.1_QTKD_A1      | Quản trị kinh doanh | Lớp trưởng |

|     |               |                      |            |                       |                     |            |
|-----|---------------|----------------------|------------|-----------------------|---------------------|------------|
| 352 | 2483401011010 | THÁI THỊ LÊ NA       | 22/05/1996 | K32.1_QTKD_A1         | Quản trị kinh doanh |            |
| 353 | 2483401011006 | PHẠM THỊ NGÂN        | 19/09/1991 | K32.1_QTKD_A1         | Quản trị kinh doanh |            |
| 354 | 2483401011003 | NGUYỄN VĂN VŨ        | 03/12/2001 | K32.1_QTKD_A1         | Quản trị kinh doanh |            |
| 355 | 2483401011012 | LÊ ĐÌNH LÂM          | 10/12/2001 | K32.1_QTKD_A1         | Quản trị kinh doanh |            |
| 356 | 2483401011008 | NGUYỄN PHAN CÔNG TRÍ | 08/03/2002 | K32.1_QTKD_A1         | Quản trị kinh doanh |            |
| 357 | 2483401011004 | VÕ THỊ LAM           | 04/02/1993 | K32.1_QTKD_A1         | Quản trị kinh doanh | Lớp phó    |
| 358 | 2483401011011 | PHAN THỊ HIỀN        | 23/02/2000 | K32.1_QTKD_A1         | Quản trị kinh doanh |            |
| 359 | 2483401011002 | PHAN ĐỨC THĂNG       | 12/02/1980 | K32.1_QTKD_A1         | Quản trị kinh doanh |            |
| 360 | 2483401011007 | PHAN THỊ THU         | 10/11/1992 | K32.1_QTKD_A1         | Quản trị kinh doanh |            |
| 361 | 2483401011009 | HOÀNG ĐÌNH BẢO TRUNG | 04/07/2000 | K32.1_QTKD_A1         | Quản trị kinh doanh |            |
| 362 | 2483401011001 | ĐÌNH LÊ NA           | 15/08/2000 | K32.1_QTKD_A1         | Quản trị kinh doanh |            |
| 363 | 2484601021002 | NGÔ XUÂN HIỀU        | 10/08/1996 | K32.1_Toán GT_A1 (NC) | Toán giải tích      |            |
| 364 | 2484601021006 | HỒ THỊ HOÀI AN       | 10/12/2001 | K32.1_Toán GT_A1 (NC) | Toán giải tích      |            |
| 365 | 2484601021004 | PHẠM QUỲNH ANH       | 20/11/2001 | K32.1_Toán GT_A1 (NC) | Toán giải tích      | Lớp trưởng |
| 366 | 2484601021003 | HỒ HÀ TRANG          | 08/09/2002 | K32.1_Toán GT_A1 (NC) | Toán giải tích      |            |
| 367 | 2484601021001 | LÊ NGỌC HOÀNG        | 24/12/2002 | K32.1_Toán GT_A1 (NC) | Toán giải tích      |            |
| 368 | 2484601021005 | VŨ HẢI AN            | 07/02/2002 | K32.1_Toán GT_A1 (NC) | Toán giải tích      | Lớp phó    |
| 369 | 2484601021007 | LÊ THỊ QUỲNH NGA     | 13/01/2001 | K32.1_Toán GT_A1 (NC) | Toán giải tích      |            |

Danh sách có 369 học viên./

